

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST.

Ngày: 29/4/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tháp

2. Ông Nguyễn Văn A

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 13/4/2021 đối với bị cáo:

Trần Hữu Q (tên thường gọi: Không có), sinh ngày 06 tháng 9 năm 1990; tại: tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số nhà 138, Tổ 13, Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu A, sinh năm: 1966 (còn sống) và bà Phan Thị L, sinh năm: 1969 (còn sống); gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và có vợ tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991 (còn sống) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm: 2017; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu. Ngày 17/5/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 1 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 29A); Ngày 25/3/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 1 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 29A ngày 17/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, buộc bị cáo chấp hành hình phạt

chung là 02 năm 10 tháng tù (Bản án số 118). Bị cáo đã chấp hành xong, đã xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2021 theo Quyết định tạm giữ số 284 ngày 28/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

* *Bị hại*: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1969 (có mặt).

Trú tại: Số nhà 138, Tổ 13, Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0971.xxxxxx

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Trần Trọng K, sinh năm: 1970 (có mặt).

Trú tại: Số nhà 163, đường Phan Chu Trinh, Tổ 3, Khu phố B, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0908.xxxxxx

* *Người làm chứng*:

- Anh Lê Xuân T, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0967.xxxxxx

- Anh Trần Hữu C, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Trú tại: Số nhà 138, Tổ 13, Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0965.xxxxxx

* *Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai*:

- Ông Trần Gia S – Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);

- Ông Nguyễn Trần Phước L – Phó Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);

- Ông Phan Thanh Đ - Thành viên (không triệu tập);

- Ông Trần Tuấn K – Thành viên (không triệu tập);

- Ông Trương Tấn L – Thành viên (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Ngày 24/01/2021, Trần Hữu Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B9-028.00 của mẹ ruột là bà Phan Thị L đem cầm lấy tiền tiêu dùng cá nhân.

Khoảng 19 giờ, Q lén lút vào phòng ngủ của bà L lấy trộm chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-028.00 do bà L đứng tên, cất giấu. Đến

khoảng 11 giờ ngày 25/01/2021, trong lúc bà L vắng nhà, Q rủ bạn là Lê Xuân T đến nhà chơi và nhờ T điều khiển xe mô tô của Q (không rõ biển số) đến khu vực thị trấn Vĩnh An để sửa, sau đó Q lấy xe mô tô biển số 60B9-028.00 của bà L, rồi cả hai điều khiển xe đi từ xã Hiếu Liêm đến thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu. Khi đến ngã tư Bệnh viện, Q điều khiển xe mô tô biển số 60B9-028.00 vào tiệm cầm đồ Trần Thị Q thuộc Khu phố B, thị trấn V (lúc này T mới biết Q lấy xe mô tô của bà L đem cầm). T đứng ngoài đợi, Q đi vào gặp ông Trần Trọng K chủ tiệm cầm đồ thỏa thuận cầm xe mô tô này với giá 8.000.000 đồng, số tiền cầm xe Q sử dụng cá nhân.

Ngày 27/01/2021, bà L viết đơn tố cáo Trần Hữu Q đến Công an xã Hiếu Liêm. Cùng ngày Q đến Công an xã Hiếu Liêm đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Công an xã Hiếu Liêm lập hồ sơ chuyển Công an huyện xử lý theo quy định.

- * Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô biển số 60B9-028.00, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-028.00 do ông Trần Trọng K giao nộp, 01 giấy biên nhận cầm đồ xe mô tô, do Q giao nộp.

- * Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐGTS, ngày 02/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại Future, biển số 60B9-028.00 trị giá 18.000.000 đồng.

- * Xử lý tang vật thu giữ: Cơ quan điều tra đã giao trả xe mô tô biển số 60B9 – 028.00 và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Phan Thị L.

- * Về trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu Q bồi thường. Ông Trần Trọng K yêu cầu Q bồi thường số tiền 8.000.000 đồng (bị cáo chưa bồi thường).

[2]. Cáo trạng số 61/CT-VKS-KSHS ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Hữu Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2017.

[3]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố, không thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Q mức án từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù; căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà L, bị cáo Q có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Trọng K số tiền 8.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Ý kiến tự bào chữa của bị cáo Q: Thống nhất bản luận tội, không có ý kiến gì thêm.

[5]. Ý kiến của bị hại bà Phan Thị L: Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà tự nguyện cùng với bị cáo có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền 8.000.000 đồng Q đã cầm số xe mô tô.

[6]. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Trọng K: Đề nghị bị cáo Q phải trả lại cho ông số tiền 8.000.000 đồng đã cầm số xe mô tô trên. Tại phiên tòa, bà Phan Thị L tự nguyện cùng với bị cáo có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng thì ông đồng ý. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7]. Bị cáo Q nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Q, bị hại bà Phan Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Trọng K có mặt; người làm chứng anh Lê Xuân T, anh Trần Hữu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Q đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Khoảng 11 giờ ngày 25/01/2021, tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai, Trần Hữu Q lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Phan Thị L (là mẹ ruột), đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B9-028.00 đưa đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Hữu Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh

hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân; Bị cáo Trần Hữu Q là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của bà Lý có giá trị là 18.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[5]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét:

[5.1]. Về nhân thân bị cáo: Có nhân thân xấu, thể hiện tại thời điểm phạm tội đã 02 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2017;

[5.3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5.4]. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự năm 2017, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã trả lại cho bà Phan Thị L 01 xe mô tô biển số 60B9 – 028.00 và giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà L không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự: Ông Trần Trọng K yêu cầu bị cáo Q bồi thường thiệt hại số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Q, bà L và ông K tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Q, bà L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Trọng K số tiền 8.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận này của bị cáo Q, bà L và ông K là tự nguyện, không trái quy định của tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017, các Điều 275, 288, 309, 313, 314, 316, 468 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[8]. Đối với anh Lê Xuân T không biết Q lấy trộm xe của bà L. T được Q rủ vào nhà chơi, sau đó nhờ điều khiển xe của Q đem xe đi sửa, khi đến khu vực ngã tư bệnh viện thấy Q điều khiển xe vào tiệm cầm đồ T mới biết Q lấy xe của mẹ đi cầm. Q là người trực tiếp giao dịch nhận tiền từ ông K. Hành vi của T không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu không truy tố T là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Đối với ông Trần Trọng K nhận cầm cố xe mô tô biển số 60B9-028.00 của bị cáo Q. Khi nhận cầm cố xe, ông K không biết tài sản do bị cáo Trần Hữu Q phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm. Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Vĩnh Cửu không xử lý, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu không truy tố là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Hữu Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 106, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều 509 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 12, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Q để bảo đảm thi hành án.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã trả lại cho bà Phan Thị L 01 xe mô tô biển số 60B9 – 028.00 và giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà L không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2017, các Điều 275, 288, 309, 313, 314, 316, 468 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Hữu Q và bà Phan Thị L liên đới trả lại cho ông Trần Trọng K số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

[4.1]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu tại mục [4], hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4.2]. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Hữu Q phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Hữu Q, bị hại Phan Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trọng K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người có QLNVLQ đến vụ án (03);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND cùng cấp (01);
- Cơ quan ĐTCA H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quan THAHS CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn